

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2020

V/v *Tranh chấp: “Ly hôn”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phó

2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 785/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Trần Văn C, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp AP, xã AT, huyện MCN, tỉnh Bến Tre

**Bị đơn:* Phạm Thị M, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị M tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phong vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị M có quen với người đàn ông khác bên ngoài nên không sống với anh mà bỏ về nhà mẹ ruột ở Ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể kéo dài cuộc sống chung nên anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2005 hiện đang sống với chị M. Ly hôn anh đồng ý để chị M nuôi con, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

*Bị đơn chị Phạm Thị M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gọi Tòa án.

Tại phiên tòa, Anh C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị M, anh đồng ý để chị M nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh C xin ly hôn với chị M, giao con chung cho chị M nuôi, Anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Phạm Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị M.

[2] Về nội dung: Xét thấy, Trần Văn C và chị Phạm Thị M tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2004, được Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo Anh C trình bày do chị M có quen người đàn ông khác nên không sống với anh mà bỏ về nhà mẹ ruột ở Ấp PT, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang sống từ tháng 6/2019 và vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh C là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay và từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không có liên lạc với nhau. Chị M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gọi tòa án, chứng tỏ chị không có thiện chí đoàn tụ với Anh C, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh C.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2005. Tại phiên tòa, Anh C trình bày từ khi vợ chồng ly thân cháu T sống với mẹ, được chăm sóc tốt nên nay anh đồng ý để chị M tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp

dưỡng. Xét cháu T hiện đang sống ổn định với chị M, được chị M chăm sóc tốt và nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của con cần để chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị M vắng mặt tại phiên tòa và chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu cấp dưỡng chị M sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn C

Về hôn nhân: Anh Trần Văn C được ly hôn với chị Phạm Thị M

Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 17/9/2005 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 01570 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Anh C đã nộp xong án phí.

Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Phong;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà